



PHIẾU KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA CBVC VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động về công tác đánh giá chất lượng môi trường làm việc, Nhà trường mong muốn CBVC cho ý kiến phản hồi bằng cách trả lời đầy đủ các câu hỏi bên dưới, từ đó có kế hoạch cải tiến kịp thời, phù hợp.

THÔNG TIN CHUNG

1. Quý Thầy/Cô vui lòng lựa chọn

GV cơ hữu GV thỉnh giảng

2. Quý Thầy/Cô là giảng viên tại các Khoa vui lòng chọn đơn vị đang công tác:

3. Quý Thầy/Cô đang công tác tại các Phòng/Ban/Trung tâm có tham gia giảng dạy vui lòng chọn đơn vị hiện đang công tác chính thức:

Hãy cho biết mức độ hài lòng của Thầy/Cô bằng cách tô tròn vào ô thích hợp cho các tiêu chí từ 1 đến 5

1 - Hoàn toàn không hài lòng 2 - Không hài lòng 3 - Phân vân
4 - Hài lòng 5 - Hoàn toàn hài lòng

I. Tiêu chí 1. Điều kiện làm việc

1.	Tôi có thể dễ dàng tìm kiếm các văn bản do Nhà trường ban hành trên hệ thống e-Office, website nội bộ của các phòng ban chức năng, v.v	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Tôi hài lòng với chế độ, chính sách, quy trình làm việc của Nhà trường	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

3. Thầy/Cô hài lòng về điều kiện văn phòng làm việc (Văn phòng tại các Phòng ban/ Trung tâm, văn phòng Khoa/Bộ môn, Nơi nghỉ ngơi của Giảng viên ...)? Nếu không hài lòng vui lòng đề xuất giải pháp cải tiến:

Có Không (Đề xuất giải pháp cải tiến)

.....
.....
.....

4. Nhà trường đã khai thác và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng họp, hội trường, phòng chuyên đề, giảng đường, phòng thí nghiệm/xưởng thực hành, sân bãi?

Có Không (Đề xuất giải pháp cải tiến)

5. Nhà trường có khuôn viên rộng rãi, có quy hoạch hiện đại với vườn cây tạo môi trường tự nhiên, thân thiện phù hợp với việc đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Hoàn toàn không đồng ý
- Không đồng ý
- Phân vân
- Đồng ý
- Hoàn toàn đồng ý

6. Nhà trường có môi trường xanh, sạch, đẹp với các tiện nghi đáp ứng cho việc di chuyển, hoạt động học thuật và sinh hoạt, có đường đi và các hỗ trợ cho người khuyết tật

- Hoàn toàn không đồng ý
- Không đồng ý
- Phân vân
- Đồng ý
- Hoàn toàn đồng ý

II. Tiêu chí 2. Cơ hội đào tạo, thăng tiến, chính sách khen thưởng

1.	Tôi được tạo điều kiện bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ hàng năm	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Cơ hội thăng tiến công bằng cho mọi thành viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

3. Số lần trong 1 năm tôi được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ chuyên môn, sư phạm, tin học, ngoại ngữ, ...):
 - Không lần nào
 - 1 – 2 lần
 - 3 – 4 lần
 - ≥ 5 lần
4. Số lần trong 1 năm tôi được tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và ngoài nước
 - Không lần nào
 - 1 – 2 lần
 - 3 – 4 lần
 - ≥ 5 lần
5. Thầy/Cô tự đánh giá về mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:
 - Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)
 - Ít khi sử dụng (trên 20%-40% thời gian của công việc)
 - Đôi khi sử dụng (trên 40%-60% thời gian của công việc)
 - Thường sử dụng (trên 60%-80% thời gian của công việc)
 - Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)
6. Thầy/Cô tự đánh giá về mức độ thường xuyên sử dụng tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:
 - Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)
 - Ít khi sử dụng (trên 20%-40% thời gian của công việc)
 - Đôi khi sử dụng (trên 40%-60% thời gian của công việc)
 - Thường sử dụng (trên 60%-80% thời gian của công việc)
 - Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)
7. Thầy/cô có sở hữu sản phẩm thuộc dạng tài sản trí tuệ (VD: giáo trình, bằng SHTT, máy móc...) thuộc thẩm quyền quản lý của Nhà trường không?
 - Có
 - Không
8. Thầy/cô cho biết mức độ hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ do thầy/cô tạo ra của Nhà trường

- Hoàn toàn không hài lòng
- Không hài lòng
- Không ý kiến
- Hài lòng
- Hoàn toàn hài lòng

III. Tiêu chí 3. Chế độ lương, thưởng và các khoản phụ cấp, phúc lợi

1.	Thầy/cô nhận được mức lương tương xứng với khối lượng công việc và kết quả làm việc của mình.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Tiền lương của thầy/cô được trả công bằng giữa các nhân viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.	Tiền lương của thầy/cô được trả đầy đủ và đúng hạn.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4.	Chế độ, chính sách khen thưởng CBVC công bằng, kịp thời, khuyến khích tinh thần làm việc của đội ngũ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5.	Các quy định, quy trình khen thưởng CBVC hợp lý khuyến khích tinh thần làm việc của đội ngũ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6.	Các khoản phụ cấp, phúc lợi của Nhà trường ở mức hợp lý.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7.	Thu nhập hiện tại phù hợp so với mặt bằng chung của các trường đại học trong khu vực.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8.	Thầy/cô có thể trang trải cuộc sống dựa vào thu nhập từ Nhà trường.	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

IV. Tiêu chí 4. Cấp quản lý trực tiếp

1	Cấp trên giao công việc với tải trọng hợp lý và đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể (giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	Cấp trên cung cấp đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	Cấp trên giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	Cấp trên đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

V. Tiêu chí 5. Đồng nghiệp

1. Đánh giá về đồng nghiệp

1.	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Đồng nghiệp trong đơn vị luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.	Đồng nghiệp khác đơn vị luôn sẵn sàng hỗ trợ tôi hoàn thành công việc	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4.	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kỹ năng từ đồng nghiệp	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

2. Thầy /Cô đánh giá mức độ hài lòng khi làm việc với các phòng ban

1 - Chưa liên hệ

2 - Rất không hài lòng

3 - Không hài lòng

4 - Hài lòng

5 - Rất hài lòng

1.	Ban quản lý Ký túc xá	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	BP Quản lý HS Dự án	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.	Phòng Đào tạo	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4.	Phòng Đào tạo không chính quy	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5.	Phòng Đảm bảo Chất lượng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6.	Phòng Quan hệ Doanh nghiệp	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7.	Phòng Quản trị Cơ sở vật chất	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8.	Phòng Khoa học Công nghệ - Quan hệ quốc tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10.	Phòng Thanh tra giáo dục	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11.	Phòng Tổ chức - Hành chính	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
12.	Phòng Thiết bị - Vật tư	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
13.	Phòng Truyền thông	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
14.	Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
15.	Trạm Y tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
16.	Thư viện	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
17.	Trung tâm Dịch vụ sinh viên	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
18.	Trung tâm Thông tin - Máy tính	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
19.	Trung tâm Dạy học số	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
20.	Trung tâm CN Phần mềm	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

3. Thầy/Cô đánh giá về các Khoa

1.	Khoa Cơ khí Chế tạo máy	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Khoa Cơ khí Động lực	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.	Khoa Điện – Điện tử	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4.	Khoa Xây dựng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5.	Khoa Công nghệ Thông tin	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

6.	Khoa Kinh tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7.	Khoa Ngoại ngữ	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8.	Khoa Đào tạo Chất lượng cao	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9.	Khoa Công nghệ may và Thời trang	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
10.	Khoa Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
11.	Khoa In và Truyền thông	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
12.	Khoa Lý luận Chính trị	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
13.	Khoa Khoa học Ứng dụng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
14.	Khoa Đào tạo Quốc tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
15.	Viện Sư phạm Kỹ thuật	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

4. Nếu Thầy/Cô chọn mức 1 hoặc 2 ở câu trên vui lòng chỉ rõ phòng ban nào cần cải tiến và cải tiến điều gì, cải tiến như thế nào?

VI. Tiêu chí 6. Điều kiện và công tác hỗ trợ giảng dạy/nghiên cứu (dành cho Giảng viên)

1 - Hoàn toàn không đồng ý 2 - Không đồng ý 3 - Phân vân

4 - Đồng ý 4 - Hoàn toàn đồng ý

1. Cho biết mức độ hài lòng về trang thiết bị phục vụ phòng học lý thuyết:

1.	Chất lượng âm thanh đáp ứng yêu cầu giảng dạy	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Chất lượng máy chiếu/màn hình LCD đáp ứng yêu cầu giảng dạy	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.	Chất lượng ánh sáng đáp ứng yêu cầu giảng dạy	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4.	Chất lượng thiết bị tin học đáp ứng yêu cầu giảng dạy	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5.	Bố trí, trang bị trong phòng học phù hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6.	Được hỗ trợ kịp thời khi có sự cố về máy móc, thiết bị	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7.	Nhìn chung, tôi hài lòng về phương tiện hỗ trợ giảng dạy cho các môn lý thuyết	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

2. Cho biết mức độ hài lòng về trang thiết bị phục vụ phòng thí nghiệm/xưởng thực hành:

1.	Các phòng thí nghiệm/xưởng thực hành và trang thiết bị, máy móc được trang bị đầy đủ và cập nhật	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Được hỗ trợ sửa chữa hoặc thay thế kịp thời	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.	Có đầy đủ nội quy và quy định an toàn trong phòng thí nghiệm/xưởng thực hành, nhật ký sử dụng	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

4.	Có đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5.	Được huấn luyện xử lý tình huống khẩn cấp khi xảy ra sự cố	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6.	Nhìn chung, tôi hài lòng về hệ thống phòng thí nghiệm/xưởng thực hành phục vụ giảng dạy của Khoa	<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

3. Điều kiện hỗ trợ công tác giảng dạy và nghiên cứu

1.	Tôi hài lòng về điều kiện hỗ trợ nghiên cứu khoa học của Nhà trường (kinh phí, không gian, trang thiết bị máy móc, quy trình đăng ký- xét duyệt-nghiệm thu đề tài v.v)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2.	Tôi hài lòng về điều kiện hỗ trợ của Thư viện (nguồn học liệu, không gian, thời gian phục vụ, tài liệu được cập nhật kịp thời, thư viện trực tuyến v.v)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3.	Tôi hài lòng về hạ tầng phục vụ dạy học trực tuyến (hệ thống LMS https://lms.hcmute.edu.vn/ và quản lý đào tạo http://online.hcmute.edu.vn/)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4.	Tôi hài lòng về hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường (mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, các phân hệ phần mềm v.v)	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

VII. Tiêu chí 7. Mức độ hài lòng về vị trí công việc

- Thầy/Cô hài lòng với công việc hiện tại không?
 - Hoàn toàn không hài lòng
 - Không hài lòng
 - Phân vân
 - Hài lòng
 - Hoàn toàn hài lòng
- Thầy/Cô hài lòng với kết quả đánh giá năng lực đội ngũ GV, Nghiên cứu viên hiện tại không?
 - Hoàn toàn không hài lòng
 - Không hài lòng
 - Phân vân
 - Hài lòng
 - Hoàn toàn hài lòng
- Thầy/Cô có ý định luân chuyển công việc không ?
 - Có
 - Không

- Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng môi trường làm việc?

Mọi ý kiến đóng góp và thắc mắc vui lòng liên hệ: Phòng Đảm bảo Chất lượng Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. Email: pdbcl@hcmute.edu.vn

Chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của Thầy/Cô!

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CÁN BỘ VIÊN CHỨC VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NĂM 2024

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị.

Nội dung báo cáo:

I. Nội dung khảo sát

Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của CBVC về môi trường làm việc.

Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện mức độ hài lòng về Nhà trường.

II. Quá trình thực hiện

1. Đối tượng và phạm vi đánh giá

Toàn bộ Cán bộ viên chức người lao động gồm Cơ hữu và Thỉnh giảng (CBVC, Người lao động) đang làm việc tại Trường ĐHSP Kỹ thuật TPHCM.

2. Phương pháp

CBVC thực hiện khảo sát, đóng góp ý kiến qua Phiếu khảo sát online tại link <http://khaosat.hcmute.edu.vn/> bằng cách chọn 1 trong 5 mức từ *Hoàn toàn không đồng ý* → *Hoàn toàn đồng ý*, chọn các đáp án có sẵn hoặc trình bày ý kiến riêng.

3. Thời gian: từ ngày 21/8/2024 – 07/9/2024

III. Bảng quy ước kết quả khảo sát

Mức đánh giá	Điểm đánh giá	Ý nghĩa đánh giá	Ý nghĩa chất lượng
1.	< 70	Không đạt	Không đạt Đây là yếu tố báo động , đối với những yếu tố này cần có những cải tiến, khắc phục hiệu quả.
2.	≥ 70	Đạt	Đạt Đây là điểm cần được duy trì và phát triển.

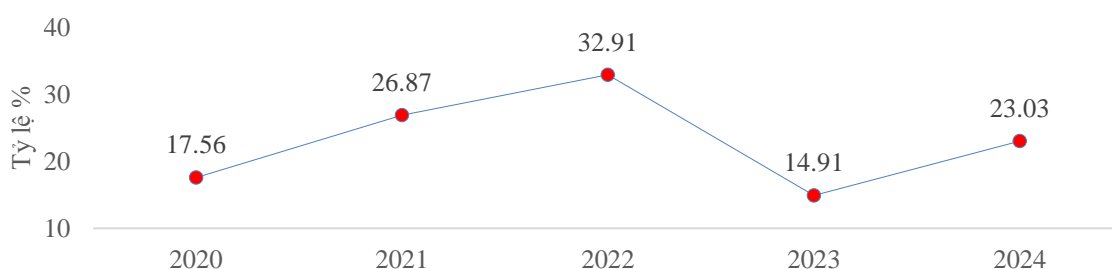
IV. Công tác cải tiến môi trường làm việc theo ý kiến đóng góp của CBVC năm 2023

– Thực hiện nâng lương cho toàn thể CBVC trong toàn trường năm 2023 – 2024 theo đúng quy định của Nhà nước.

- Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho toàn trường (đã bổ sung bảng chỉ dẫn trong khuôn viên trường, cải tạo khu vực đường đi, xây dựng hoàn thiện khu dịch vụ, không gian sáng tạo, có căn tin cho CBVC)
- GV có đề nghị sửa chữa, P.QTCSVC có mặt kịp thời hỗ trợ trong giảng dạy.
- Thông báo về việc thi chuyển ngạch cho GV và nhân viên từ P.TCHC.
- Xây dựng dãy phòng dịch vụ tại cổng chính của Nhà trường.
- Di dời và nâng cấp cơ sở vật chất cho các đơn vị trong toàn trường theo lộ trình.
- Sửa chữa vỉa hè (lối đi) dọc trục đường chính từ khu vực cổng chính đến cổng bảo vệ thuộc Khu A.
- Cải tạo khu tự học (A2, A4) tại sảnh Tòa nhà Trung tâm được cải tạo mới phục vụ sinh viên học tập.
- Các vị trí khác trong toàn trường được vệ sinh sạch sẽ.
- Đang tu sửa hệ thống kính tại Tòa nhà trung tâm.
- Hoàn thành sân bóng rổ đối diện Synary.

V. Thống kê kết quả khảo sát năm 2024

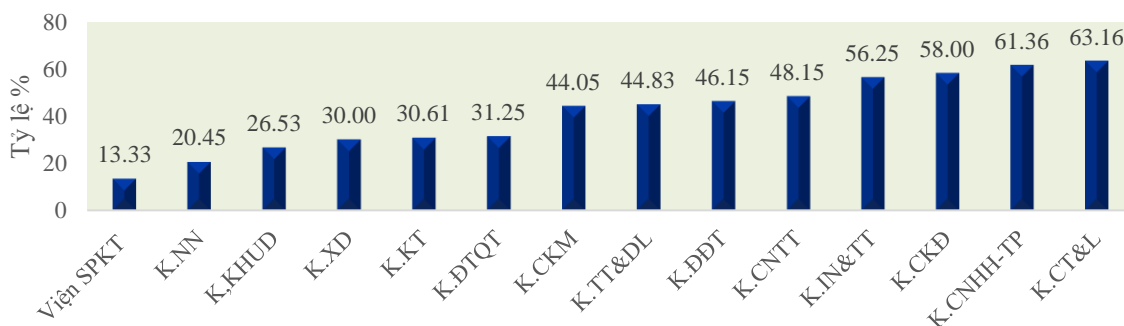
1. Thống kê số lượng CBVC tham gia khảo sát qua 5 năm



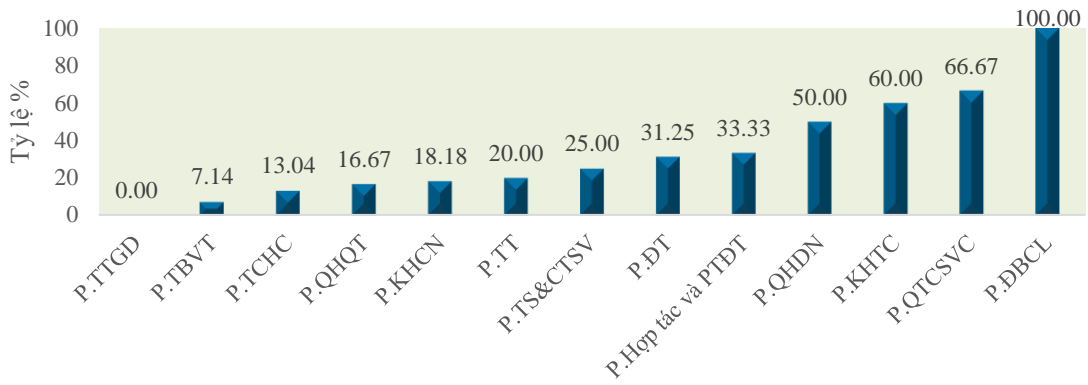
Hình 1. Tỷ lệ CBVC tham gia khảo sát từ 2020-2024

Năm 2024 tỷ lệ CBVC tham gia khảo sát có tỷ lệ đạt 22,95% đạt độ tin cậy 90% tăng so với năm 2023 (Số liệu được thống kê từ hệ thống khảo sát và tổng số CBVC do P.TCHC cung cấp trên Dashboard năm 2024 với tỷ lệ 196/854 CBVC thực hiện khảo sát)

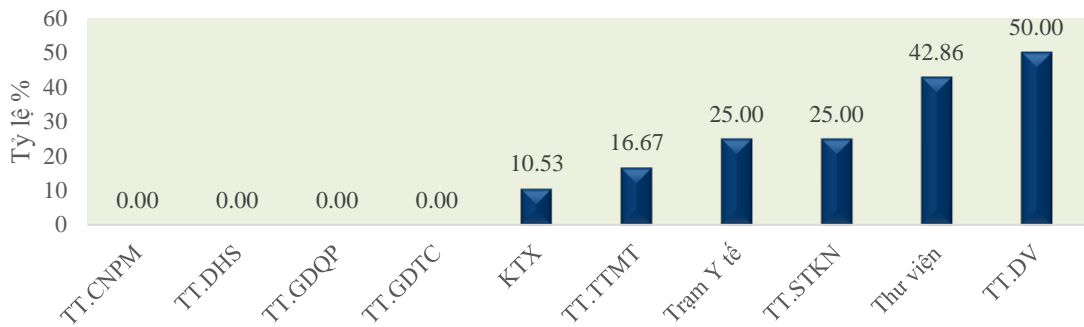
P.ĐBCL thực hiện thêm thống kê số lượng CBVC thực hiện khảo sát theo đơn vị như bên dưới:



Hình 2. Tỷ lệ CBVC tham gia khảo sát theo Khoa/Viện năm 2024



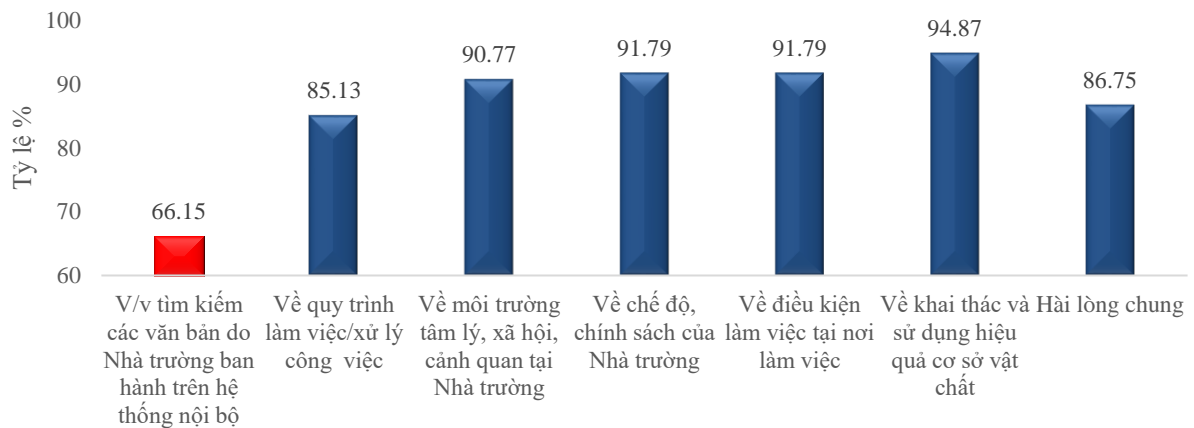
Hình 3. Thống kê tỷ lệ CBVC tham gia khảo sát theo Phòng/Ban năm 2024



Hình 4. Thống kê tỷ lệ CBVC tham gia khảo sát theo Trung tâm và các đơn vị khác năm 2024

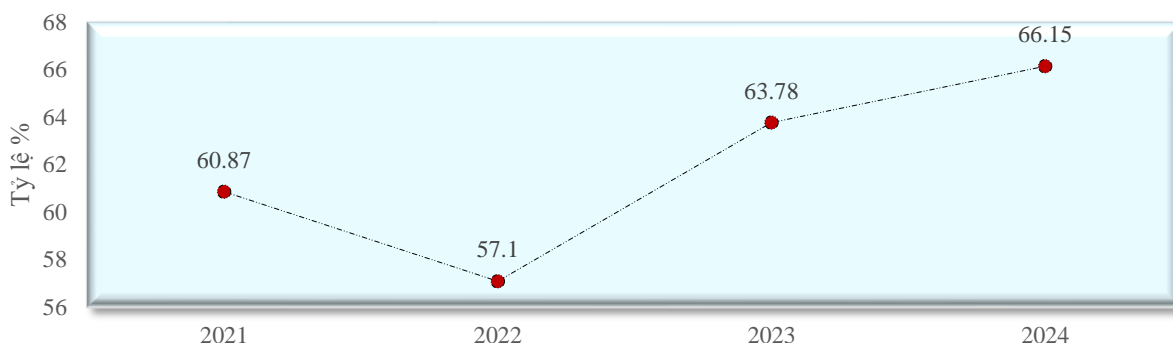
Theo thống kê cho thấy tỷ lệ CBVC tham gia khảo sát đạt trên 50% theo Khoa/Viện có 4/14 đơn vị (đạt 28,57% tổng số đơn vị), theo Phòng/Ban có 4/13 đơn vị (đạt 30,77% tổng số đơn vị), theo Trung tâm và các đơn vị trực thuộc khác có 01/10 đơn vị (đạt 10% tổng số đơn vị). Hàng năm P.ĐBCL đều tổng hợp lại các mục Nhà trường đã/đang/có kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để tạo cho Quý Thầy/Cô một môi trường làm việc thuận lợi nhất vì vậy Quý Thầy/Cô cần tích cực hơn trong hoạt động này để thể hiện quyền lợi, đưa ra mong muốn góp phần cải tạo nơi học tập, làm việc của chính mình.

2. Điều kiện làm việc



Hình 5. Sự hài lòng của CBVC về điều kiện làm việc tại Trường

Việc tìm kiếm văn bản trên hệ thống online office chưa đạt hiệu quả như mong đợi P.ĐBCL thực hiện riêng thống kê cho mục này qua 4 năm như hình bên dưới:



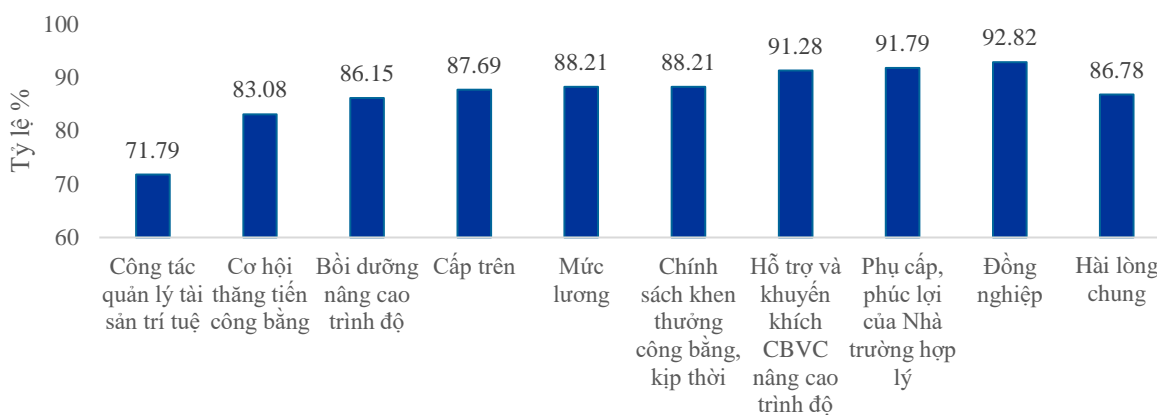
Hình 6. Sự hài lòng của CBVC về việc tìm kiếm văn bản trên hệ thống online của Nhà trường

Thống kê qua 4 năm liên tục cho thấy tỷ lệ hài lòng về “Hệ thống online office” đều ở mức cảnh báo. Trong năm 2024 tỷ lệ hài lòng của CBVC về hệ thống online office có tăng thêm 2,37% so với năm 2023 nhưng tỷ lệ này vẫn dưới 70% - chưa đạt yêu cầu.

Tổng hợp một số ý kiến của CBVC cho hệ thống tìm kiếm văn bản online như sau:

- Đề xuất giao diện online office cần thân thiện hơn với người dùng.
- Cần cập nhật văn bản từ các năm trước lên hệ thống online office để dễ tìm kiếm.
- Tìm kiếm văn bản cần mở rộng (tìm theo nội dung, cụm từ trong tên văn bản...)

3. Các yếu tố khác có liên quan khi đánh giá về môi trường làm việc

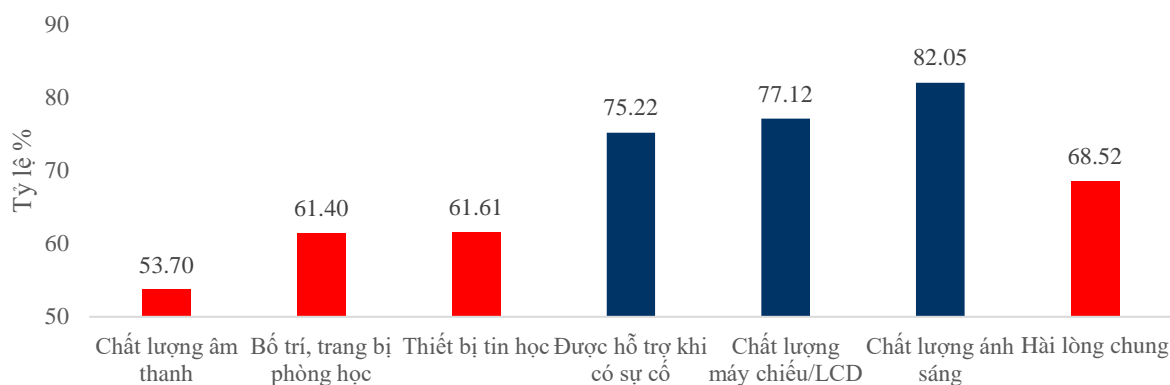


Hình 7. Sự hài lòng của CBVC về yếu tố khác liên quan đến môi trường làm việc

Thống kê các yếu tố khảo sát liên quan đến môi trường làm việc đều ở mức đạt (>70%), cũng theo biểu đồ thống kê các nội dung khảo sát có tỷ lệ hài lòng cao nhất có liên quan đến chính sách hỗ trợ và khuyến khích CBVC nâng cao trình độ (91,28% hài lòng), các chính sách về phúc lợi của Nhà trường dành cho CBVC (91,79% hài lòng), sự hỗ trợ đến từ đồng nghiệp trong toàn Trường (có 92,82% hài lòng).

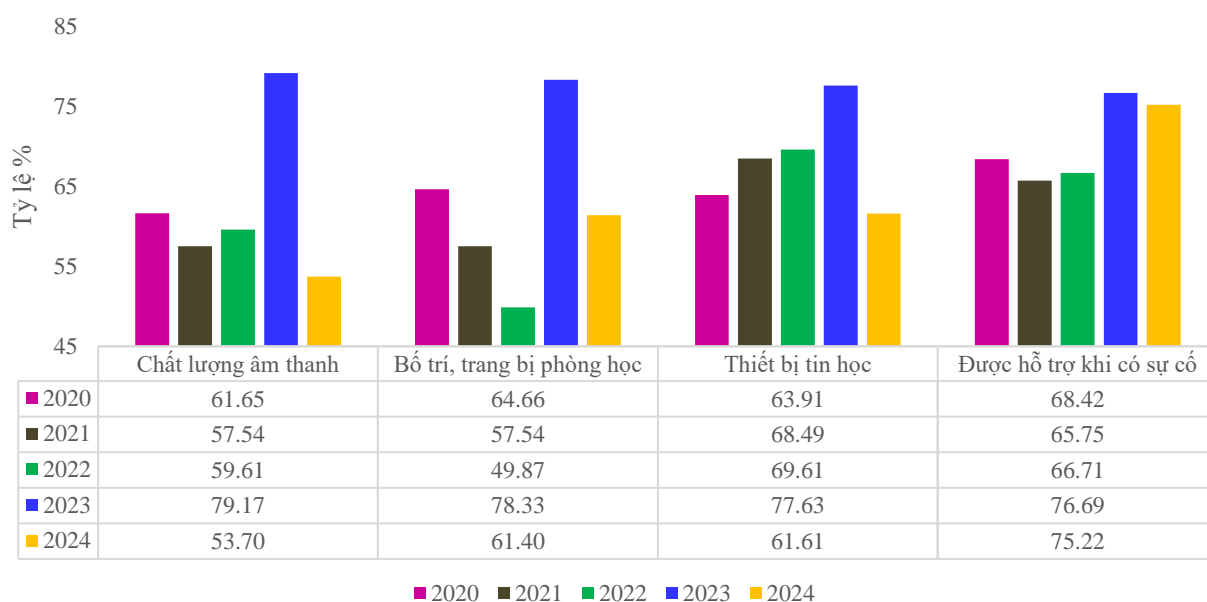
4. Thống kê nội dung khảo sát dành cho CBVC có tham gia giảng dạy

4.1 Trang thiết bị phòng học lý thuyết



Hình 8. Mức độ hài lòng về trang thiết bị phục vụ phòng học lý thuyết

Thống kê cho thấy sự hài lòng về các yếu tố liên quan đến phòng học lý thuyết chưa đạt yêu cầu, các câu hỏi về chất lượng âm thanh (53,70%), bố trí, trang bị phòng học (61,40%), chất lượng thiết bị tin học (61,61%) đều < 70%. Để phân tích rõ hơn về dữ liệu đang ở mức cảnh báo, P.ĐBCL đã tổng hợp thêm số liệu về các câu hỏi khảo sát trong thời gian 5 năm để thống kê mức độ hài lòng.

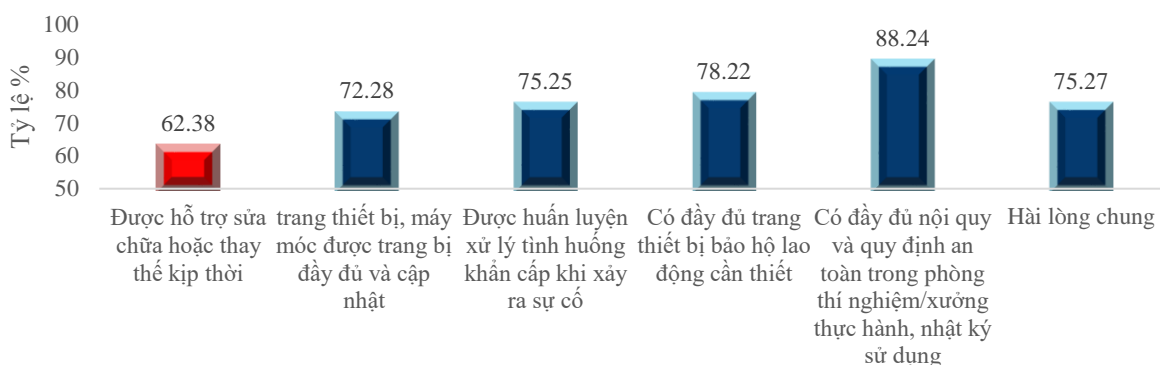


Hình 9. So sánh các nội dung có tỷ lệ hài lòng chưa đạt khi khảo sát cho phòng học lý thuyết từ năm 2020 - 2024

Thống kê biểu đồ so sánh cho thấy tỷ lệ hài lòng đạt $\geq 70\%$ ở các năm như sau:

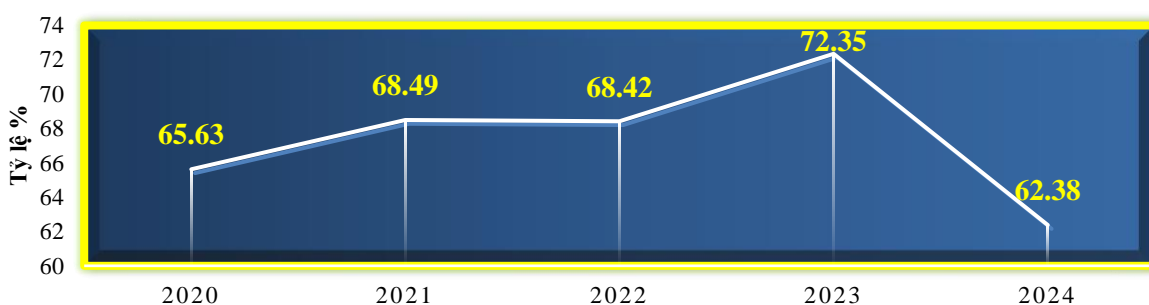
- + Chất lượng âm thanh: đạt yêu cầu ở năm 2023 - 79,17%
- + Về bố trí, trang bị phòng học: đạt yêu cầu ở năm 2023 - 78,33%
- + Thiết bị tin học trang bị trong phòng lý thuyết: đạt yêu cầu năm 2023 – 77,63%
- + Sự hỗ trợ của đơn vị liên quan khi có sự cố: đạt năm 2023 và 2024 – lần lượt là 76,69% và 75,22%

4.2 Trang thiết bị phòng học thực hành



Hình 10. Mức độ hài lòng về trang thiết bị phục vụ phòng học thực hành

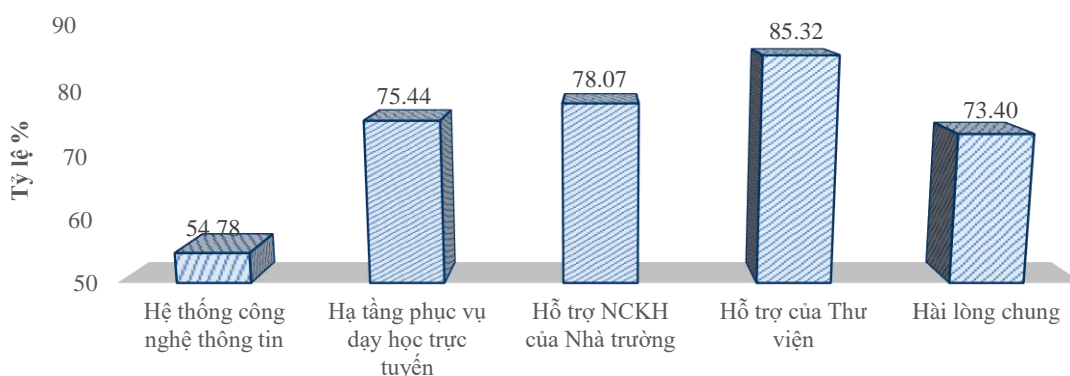
Theo thống kê có 4/5 nội dung khảo sát đạt tỷ lệ hài lòng >70%, có 01/5 nội dung khảo sát đạt tỷ lệ <70%. P.ĐBCL tiếp tục thống kê qua thời gian 5 năm cho câu hỏi “Phòng thí nghiệm/xưởng thực hành được hỗ trợ sửa chữa hoặc thay thế kịp thời” kết quả thống kê như sau:



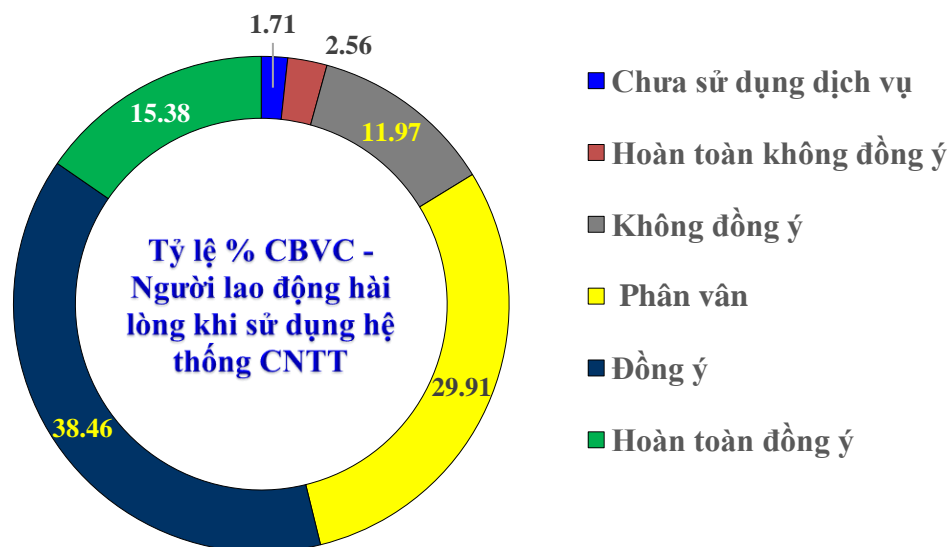
Hình 11. So sánh dữ liệu mức độ hài lòng của CBVC về nội dung hỗ trợ, sửa chữa kịp thời PTN/XTH từ năm 2021 - 2024

Biểu đồ thống kê cho thấy tỷ lệ hài lòng của CBVC về nội dung hỗ trợ, sửa chữa kịp thời cho PTN/XTH giảm 9,97% so với năm 2023, trong 5 năm thực hiện thống kê tỷ lệ hài lòng $\geq 70\%$ chỉ đạt ở năm 2023, năm 2024 có tỷ lệ hài lòng thấp nhất trong vòng 5 năm từ 2020 – 2024.

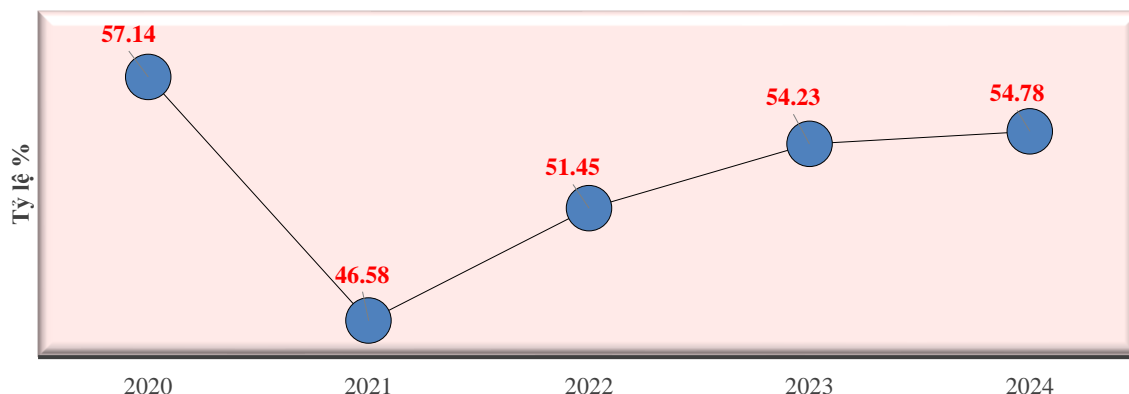
4.3 Điều kiện hỗ trợ công tác giảng dạy/nghiên cứu



Hình 12. Mức độ hài lòng về điều kiện hỗ trợ công tác giảng dạy/nghiên cứu



Hình 13. Mức độ phân bố về tỷ lệ hài lòng (%) của CBVC – Người lao động tham gia khảo sát cho nội dung liên quan đến hệ thống CNTT của Nhà trường



Hình 14. Mức độ hài lòng về hệ thống CNTT giai đoạn 2020-2024

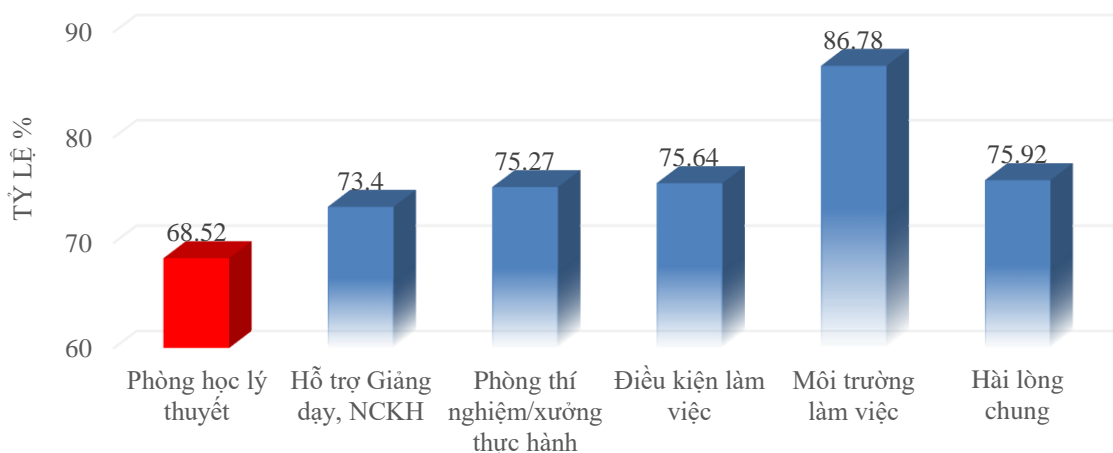
Thống kê cho thấy tỷ lệ hài lòng về hệ thống CNTT hiện tại **luôn nằm trong mức cảnh báo**). Hạng mục này trong nhiều năm vẫn chưa nhận được sự hài lòng của CBVC và cả SV toàn trường. Dữ liệu thống kê qua 5 năm cho thấy từ 2022 đến 2024 tỷ lệ hài lòng có xu hướng tăng nhẹ, P.ĐBCL sẽ phối hợp cùng TT.TTMT tiếp tục theo dõi nội dung này qua các năm kế tiếp.

Các nội dung khác theo thống kê đều ở mức đạt (>70%) tuy nhiên các Thầy/Cô cũng góp ý thêm một số những nội dung cần cải tiến cho các năm sau gồm:

- ✓ **Hệ thống công nghệ thông tin:**
 - Nâng cấp tốc độ và đường truyền wifi toàn trường (GV đã đề xuất liên tục trong nhiều năm).
 - Nên có một mạng wifi free riêng dành cho GV, NV Trường trên các phòng học.
- ✓ **Thư viện:**
 - Xây dựng mới tòa nhà Thư viện
 - Mở rộng không gian thư viện

✓ **Về Nghiên cứu khoa học**

- Tiền thưởng nghiên cứu khoa học cần kịp thời, nên thưởng theo quý hoặc ít nhất là 2 lần/năm.
- Mua gói cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ nghiên cứu khoa học.
- Đầu tư cho nghiên cứu khoa học và trang thiết bị phục vụ được cho nghiên cứu.
- Thời gian gia hạn cho đề tài NCKH cấp trường nên 6-9 tháng thay vì chỉ 3 tháng như hiện nay
- Mở rộng không gian phòng thí nghiệm



Hình 15. Mức độ hài lòng chung của CBVC nhà trường về môi trường, điều kiện làm việc xét theo từng hạng mục

VI. Ý kiến góp ý và kết quả thống kê số lượng Giảng viên tham gia khảo sát theo đơn vị trong toàn trường của CBVC trong khảo sát năm 2024

Một số ý kiến góp ý khác của GV ngoài các tiêu chí khảo sát được tổng hợp chi tiết tại Phụ lục I.

Kết quả thống kê độ tin cậy số lượng CBVC tham gia thực hiện khảo sát theo toàn trường và đơn vị năm học 2024 tại Phụ lục II.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu phòng ĐBCL.

P. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Phụ lục I

Các ý kiến đóng góp thêm của CBVC tại khảo sát năm 2024

TT	Nhóm ý kiến	Nội dung ý kiến cụ thể
1	Về cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none">- Ưu tiên xây dựng CSVC như phòng học, khu vui chơi, khu tự học (thư viện), khu nghỉ trưa.- Phòng ban nên tiết kiệm không gian làm việc.- Các giấy tờ nên lưu ở kho vì thường dùng dữ liệu trên máy tính, không cần lưu trữ tài liệu tại phòng làm việc.- Trang bị bàn ghế cho phòng làm việc đồng bộ.- Chưa đủ ánh sáng, nâng cấp, thiết kế, trang trí lại Sảnh TNTT- Cải tạo các nhà vệ sinh.- Nên có bản đồ khuôn viên trường, thể hiện vị trí các khu/tòa nhà. Bản đồ nên được dễ dàng tìm thấy trên trang homepage của trường cần nhắc việc treo ở cổng chính của trường- Các quy trình liên quan tới thiết bị thực tập cho SV đầu kỳ cần được nhanh gọn- Trang bị điện thoại bàn cho khu F1, sửa lại sảnh khu F1- Các hạng mục sửa chữa, cải tạo được thực hiện trong các khoảng thời gian hè- Có biện pháp bảo vệ cây xanh trong khuôn viên trường- Cần quan tâm đến chất lượng phục vụ cho GV- Xây dựng mỗi khoa có một phòng làm việc lớn cho giáo viên.- Linh động hơn trong việc sắp xếp thời khóa biểu phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của GV- Khu E1 cần bố trí số lượng sinh viên phù hợp, đèn, quạt, các thiết bị trang bị trong phòng học cần bổ sung tạo điều kiện dạy và học cho GV và SV
2	Khác	<ul style="list-style-type: none">- Khuyến khích các cá nhân, tập thể tiết kiệm nguồn ngân sách.- Cần đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên, bố trí công việc một cách hợp lý để đạt hiệu quả tốt nhất.- Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và chuyên môn của mỗi người- Có thêm phòng nghỉ cho cán bộ viên chức làm việc tại các phòng ban, xem xét thêm về phúc lợi trong các đợt lễ, tết.- Khảo sát này cần trở thành trách nhiệm của CBVC của trường.- Tích hợp các phần mềm quản lý trực tuyến, giúp tự động hóa các quy trình hành chính, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc.- Cập nhật hệ thống để tất cả giấy tờ thủ tục có thể làm online

Phụ lục II

Kết quả thống kê độ tin cậy số lượng cbvc tham gia thực hiện khảo sát theo toàn trường và đơn vị năm học 2024

STT	Đơn vị	Số lượng CBVC		Độ tin cậy 99%		Độ tin cậy 95%		Độ tin cậy 90%		Tỷ lệ khảo sát
		Tổng cộng	Tham gia khảo sát	SL CBVC khảo sát	Kết quả	SL CBVC khảo sát	Kết quả	SL CBVC khảo sát	Kết quả	
1	Toàn trường	851	195	784	Không đạt	272	Không đạt	89	Đạt	22.91
2	KTX	19	2	19	Không đạt	18	Không đạt	16	Không đạt	10.53
3	P.ĐBCL	7	7	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	100.00
4	P.ĐT	16	5	16	Không đạt	15	Không đạt	14	Không đạt	31.25
5	P.Hợp tác và PTĐT	9	3	9	Không đạt	9	Không đạt	8	Không đạt	33.33
6	P.KHTC	15	9	15	Không đạt	14	Không đạt	13	Không đạt	60.00
7	P.KHCN	11	2	11	Không đạt	11	Không đạt	10	Không đạt	18.18
8	P.QHDN	8	4	8	Không đạt	8	Không đạt	7	Không đạt	50.00
9	P.QHQT	6	1	6	Không đạt	6	Không đạt	6	Không đạt	16.67
10	P.QTCSVC	15	10	15	Không đạt	14	Không đạt	13	Không đạt	66.67
11	P.TBVT	14	1	14	Không đạt	14	Không đạt	12	Không đạt	7.14
12	P.TCHC	46	6	46	Không đạt	41	Không đạt	32	Không đạt	13.04
13	P.TT	10	2	10	Không đạt	10	Không đạt	9	Không đạt	20.00
14	P.TS&CTSV	12	3	12	Không đạt	12	Không đạt	11	Không đạt	25.00
15	Thư viện	14	6	14	Không đạt	14	Không đạt	12	Không đạt	42.86
16	Trạm Y tế	4	1	4	Không đạt	4	Không đạt	4	Không đạt	25.00
17	TT.DV	4	2	4	Không đạt	4	Không đạt	4	Không đạt	50.00

18	TT.STKN	4	1	4	Không đạt	4	Không đạt	4	Không đạt	25.00
19	TT.TTMT	6	1	6	Không đạt	6	Không đạt	6	Không đạt	16.67
20	K.CT&L	19	12	19	Không đạt	18	Không đạt	16	Không đạt	63.16
21	K.CKM	84	37	83	Không đạt	69	Không đạt	46	Không đạt	44.05
22	K.CKĐ	50	29	50	Không đạt	44	Không đạt	33	Không đạt	58.00
23	K.CNHH-TP	44	27	44	Không đạt	40	Không đạt	31	Không đạt	61.36
24	K.CNTT	27	13	27	Không đạt	25	Không đạt	21	Không đạt	48.15
25	K.ĐTQT	16	5	16	Không đạt	15	Không đạt	14	Không đạt	31.25
26	K.ĐĐT	91	42	90	Không đạt	74	Không đạt	48	Không đạt	46.15
27	K,KHUD	49	13	49	Không đạt	44	Không đạt	33	Không đạt	26.53
28	K.IN&TT	16	9	16	Không đạt	15	Không đạt	14	Không đạt	56.25
29	K.KT	49	15	49	Không đạt	44	Không đạt	3 3	Không đạt	30.61
30	K.NN	44	9	44	Không đạt	40	Không đạt	31	Không đạt	20.45
31	K,TT&DL	29	13	29	Không đạt	27	Không đạt	22	Không đạt	44.83
32	K.XD	60	18	60	Không đạt	52	Không đạt	38	Không đạt	30.00
33	Viện SPKT	15	2	15	Không đạt	14	Không đạt	13	Không đạt	13.33
34	P.TTGD	6	0	6	Không đạt	6	Không đạt	6	Không đạt	0.00
35	TT.CNPM	4	0	4	Không đạt	4	Không đạt	4	Không đạt	0.00
36	TT.DHS	4	0	4	Không đạt	4	Không đạt	4	Không đạt	0.00
37	TT.GDQP	10	0	10	Không đạt	10	Không đạt	9	Không đạt	0.00
38	TT.GDTC	12	0	12	Không đạt	12	Không đạt	11	Không đạt	0.00

Phụ lục III

Thông kê tỷ lệ hài lòng của CBVC toàn trường khi liên hệ công tác tại các đơn vị

STT	ĐƠN VỊ	Tỷ lệ hài lòng của CBVC	STT	ĐƠN VỊ	Tỷ lệ hài lòng của CBVC
PHÒNG/BAN			KHOA/VIỆN		
1	P.QHQT	78.43	1	K.IN&TT	82.00
2	P.QTCSVC	78.53	2	K.NN	82.12
3	P.TS&CTSV	79.76	3	K.TT&DL	82.55
4	P.KHTC	82.20	4	K.KT	82.89
5	P.TT	82.42	5	Viện SPKT	84.00
6	P.TBVT	82.95	6	K.KHUD	85.26
7	P.QHDN	83.95	7	K.CT&L	85.91
8	P.TTGD	84.00	8	K.CNTT	86.27
9	P.KHCN	84.75	9	K.CNHH-TP	87.34
10	P.ĐBCL	86.86	10	K.XD	87.90
11	P.ĐT	87.56	11	K.ĐTQT	88.41
12	P.Hợp tác và PTĐT	87.56	12	K.CKĐ	89.03
13	P.TCHC	88.02	13	K.CKM	89.35
			14	K.ĐĐT	90.63
ĐƠN VỊ KHÁC			TRUNG TÂM		
1	KTX	72.79	1	TT.CNPM	70.70
2	Thư viện	84.78	2	TT.TTMT	75.82
3	Trạm Y tế	84.80	3	TT.DV	76.03
			4	TT.DHS	78.95